

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy;
Bà Phạm Thị Chuông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKH: Thôn K, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

3. Người làm chứng: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã Tân Dân, Kinh Môn, Hải Dương vào tháng 8/2013. Sau kết hôn thì vợ chồng chị sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại Thôn K, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên đi ăn nhậu về khuya, chơi cờ bạc và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, xúc phạm danh dự và xô sát với

n nhau; bản thân chị cũng không hợp với bố mẹ chồng nên chị thường xuyên sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ tại Thượng Chiêu, Tân Dân. Chị và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018, không còn quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 15/01/2014. Hiện nay cháu vẫn ở cùng chị tại gia đình bố mẹ đẻ. Khi vợ chồng ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu; chị yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mỗi tháng là 1.000.000đ kể từ khi Tòa án xét xử cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của bị đơn Nguyễn Đức T:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T; triệu tập anh T đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên tất cả các lần Tòa án triệu tập cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Đức T tại nơi đang làm việc tại Công ty TNHH TM&SX Giày da Đức Hiếu, anh T khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng hiện đang sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Quan điểm của anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 15/01/2014, cháu hiện đang ở cùng chị Tr. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung; còn nếu chị Tr có đóng góp cấp dưỡng thì tùy chị Tr.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã Tân Dân, Kinh Môn:* Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Tr đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Dân trên cơ sở tự nguyện và vợ chồng chủ yếu sinh sống tại xã Tân dân, Kinh Môn. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018.

- *Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh T) khai:* Vợ chồng chị Tr, anh T sau khi kết hôn chủ yếu sinh sống tại quê chị Tr; thỉnh thoảng mới về gia đình chồng ở xã An Sinh chơi 1-2 ngày; vợ chồng anh T thường xuyên cãi nhau do anh T đi uống bia về muộn,

sau đó anh T yêu cầu chị Tr về nhà chồng sống nhưng chị Tr bảo nếu như vậy thì sẽ ly hôn, sau đó vợ chồng lại cãi nhau. Quan điểm của bà muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng nếu vợ chồng không sống được với nhau thì tùy anh T, chị Tr.

- Bà Bùi Thị L (mẹ đẻ chị Tr) khai: Mâu thuẫn giữa chị Tr, anh T có nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ sau khi cưới, nhưng do vợ chồng ở cùng gia đình bà thì do nề gia đình nên không xảy ra cãi vã, xô sát gì; mỗi khi vợ chồng về bên gia đình chồng thì lại xảy ra xúc phạm danh dự và xô sát với nhau. Bà cùng gia đình cũng đã kết hợp với bố mẹ đẻ anh T nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Chị Tr, anh T đã sống ly thân khoảng 3 tháng nay; anh T không khuyên bảo, động viên vợ để vợ chồng đoàn tụ. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Tr với anh T.

- Vợ chồng chị Tr, anh T cháu có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 15/01/2014, hiện nay cháu đang sống cùng chị Tr tại gia đình bà; nếu vợ chồng chị Tr ly hôn và chị Tr được quyền nuôi con chung thì bà và gia đình sẽ tiếp tục tạo điều kiện hỗ trợ về kinh tế, chỗ ăn ở sinh hoạt cũng như giúp đỡ trong việc trông nom, chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T và giải quyết về nuôi con chung.

- Bị đơn là anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành và không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 15/01/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Đức T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tr mỗi tháng 1.000.000đ tính từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Đức T hiện đang cư trú, sinh sống tại xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 11/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho anh T, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay, anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Đức T đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tháng 8/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Đức T là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị Tr, anh T phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện việc không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh T cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị Tr xác định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Đức T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 15/01/2014. Hiện nay cháu đang được chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng

cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ tính từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu này thì thấy: Chị Tr có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình bố mẹ để tạo điều kiện trong về chỗ ở và giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, trong vụ án này bị đơn là anh T không đến Tòa án, không tham gia phiên tòa trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng như nguyện vọng về vấn đề nuôi dưỡng con chung; thực hiện quyền tranh luận, đối đáp tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ thì xác định hiện nay cháu đang được chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập. Cháu Nguyễn Ngọc M còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cần giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc M cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Anh Nguyễn Đức T hiện đang làm việc tại Công ty TNHH TM&SX Giày da Đức Hiếu, có mức thu nhập hàng tháng 5.500.000đ. Do anh T có công việc và thu nhập ổn định; để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, buộc anh Nguyễn Đức T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ tính từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr:*

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 15/01/2014 kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Buộc anh Nguyễn Đức T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Tr, mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ tính từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0001766 ngày 27/7/2018. Chị Tr đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung (*Anh T chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí*).

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND xã Tân Dân, Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa